

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 31/7/2024

Về việc: "T/c hợp đồng tín dụng và
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa;

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (OCB); địa chỉ: 41&45 đường L, phường B, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Minh Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc – Chi nhánh T4. Ông Đ uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1989; địa chỉ: Lô A P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; (Văn bản uỷ quyền số 12/2023/UQ-OCB-THN ngày 12/4/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T (đã chết).

Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1971; địa chỉ: **TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1989; địa chỉ: **TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1994; địa chỉ: **TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hiện đang chấp hành án tại: **Trại giam S Bộ C1**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Trung C** trình bày:

Vợ chồng ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Ngô Thị L** có ký hợp đồng vay với **Ngân hàng TMCP P** các khoản sau:

- Tại Hợp đồng tín dụng số 085/2021/HĐTD-CN, ngày 09/03/2021 vay 1.200.000.000.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 141/2022/HĐTD-CN vay 30.000.000đ.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 183/2022/HĐTD-CN vay 350.000.000đ.

Tổng là: 1.580.000.000đ.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất cho vay và kỳ hạn điều chỉnh: Trong 03 tháng đầu lãi suất cho vay là 11%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại HĐ tín dụng và khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của hai vợ chồng: Toàn bộ thửa đất số 166, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, diện tích 208m²; địa chỉ thửa đất: **TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 070332, số vào sổ cấp GCN: H03379 do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 05/7/2018 cho bà **Ngô Thị L**, ông **Nguyễn Văn T1**.

Ngoài ra, ngày 13/9/2021, bà **Ngô Thị L** còn vay theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (khoản vay này không có tài sản đảm bảo).

Tính đến ngày 22/12/2022, Bà **Ngô Thị L**, ông **Nguyễn Văn T1** đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 511.425.576đ.

Tính đến ngày 31/7/2024 (ngày xét xử) ông **T1**, bà **L** còn nợ **Ngân hàng TMCP P** tổng số tiền là 1.679.531.501đ, trong đó nợ gốc là 1.338.583.330đ, lãi trong hạn là 273.151.008đ, lãi quá hạn là 67.797.163đ. Riêng bà **L** còn nợ thêm một khoản thẻ tín dụng là 137.539.329đ (Trong đó, gốc: 48.462.565đ, Lãi:

89.076.764đ).

Nay ông **Nguyễn Văn T1** đã chết. Ngân hàng yêu cầu bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông **T1** gồm: bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T3**, **Nguyễn Văn T2** phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số nợ trên và phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 085/2021/HĐTD-CN, ngày 09/03/2021; Hợp đồng tín dụng số 141/2022/HĐTD-CN ngày 31/3/2022; Hợp đồng tín dụng số 183/2022/HĐTD-CN ngày 21/4/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản đảm bảo để thu nợ cho Ngân hàng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu bị đơn không trả đúng và đủ số tiền đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng thì **Ngân hàng TMCP P** có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu bà **Ngô Thị L** phải trả số tiền vay của thẻ tín dụng tính đến ngày 31/7/2024 là 137.539.329đ vay theo giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán cho Ngân hàng, ngày 13/9/2021.

Phía bị đơn bà **Ngô Thị L**: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà **L**, nhưng bà lại không hợp tác, chỉ đến Tòa án một lần sau đó vắng mặt không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2024, bà **L** nhất trí với các khoản vay và số tiền Ngân hàng yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn, không có khả năng thanh toán nên bà đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Anh **Nguyễn Văn T3** trình bày: Bố anh là ông **Nguyễn Văn T1** (đã chết), mẹ là bà **Ngô Thị L**. Bố mẹ anh có 02 người con gồm Anh **Nguyễn Văn T2** và anh là **Nguyễn Văn T3**, hiện nay anh đang chấp hành án tại **Trại giam S - cục C2 - Bộ C1**. Về hàng thừa kế thứ nhất chỉ có mẹ anh, anh **T2** và anh, ngoài ra không còn ai. Ông, bà nội của anh cũng đã chết từ lâu. Đối với khoản vay của bố mẹ anh với **Ngân hàng TMCP P** anh không nắm được, tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở bố mẹ đã thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của bố mẹ anh tạo dựng nên khoản vay của bố mẹ anh với Ngân hàng anh không có ý kiến. Bố anh chết không để lại di chúc, tài sản duy nhất thừa kế là toàn bộ nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và Ngân hàng xử lý tài sản theo quy định.

Anh **Nguyễn Văn T2** đã được triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã đến nhà làm việc nhưng anh **T2** không hợp tác, không trình bày ý kiến, mặc dù đã được cán bộ Tòa án giải thích nhưng anh **T2** vẫn từ chối làm việc. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, anh **Nguyễn Văn T3** có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 463, 465, Điều 466; Điều 470; Điều 615 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP P**.

Buộc bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** là bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền tính đến ngày 31/7/2024 là: 1.679.531.501đ, (trong đó nợ gốc là 1.338.583.330đ, lãi trong hạn là 273.151.008đ, lãi quá hạn là 67.797.163đ) và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2024 theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Buộc bà **Ngô Thị L** phải trả cho **Ngân hàng TMCP P** khoản vay của thẻ tín dụng tính đến ngày 31/7/2024 là 137.539.329đ (trong đó: nợ gốc: 48.462.565đ, nợ lãi: 89.076.764đ).

Trường hợp bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** là bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** không thực hiện được việc trả số tiền nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi tài sản thừa kế do ông **Nguyễn Văn T1** để lại.

Về án phí: Bị đơn, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. **H** lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không đăng ký kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà **L** và những người thừa kế của ông **Nguyễn Văn T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP P** với ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Ngô Thị L**. Do đó, Tòa án xác định vụ án dân

sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” quy định tại khoản Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại **tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông **Nguyễn Văn T1** đã chết vào năm 2022. Do đó, xác định vợ và hai con ông **T1** là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **T1** thực hiện nghĩa vụ do ông **T1** chết để lại gồm: Vợ bà **Ngô Thị L** và 02 người con là anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** là phù hợp với quy định tại Điều 615; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **L**, anh **T2** đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Trung C**, anh **T3** có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà **L**, anh **T2**, anh **T3** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP P** nhận thấy: Giữa vợ chồng ông **Nguyễn Văn T1**, bà **Ngô Thị L** và **Ngân hàng TMCP P** có ký hợp đồng vay vốn gồm: Hợp đồng tín dụng số 085/2021/HĐTD-CN, ngày 09/03/2021 vay 1.200.000.000đ; Hợp đồng tín dụng số 141/2022/HĐTD - CN vay 30.000.000đ; Hợp đồng tín dụng số 183/2022/HĐTD-CN vay 350.000.000đ. Thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng và bà **Ngô Thị L** có ký Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán 50.000.000đ. Lãi suất và hình thức giải ngân phù hợp với Điều 116, 117 và 118 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và quy định của **Ngân hàng N**. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên thực hiện hoàn toàn tự nguyện, có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng vay trên là hợp pháp, có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bà **Ngô Thị L**, ông **Nguyễn Văn T1** đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/12/2022 là 511.425.576 đồng. Thời hạn vi phạm hợp đồng từ tháng 23/12/2022.

Tính đến ngày 31/7/2024 ông **T1**, bà **L** còn nợ **Ngân hàng TMCP P** tổng số tiền là 1.679.531.501đ, trong đó nợ gốc là 1.338.583.330đ, lãi trong hạn 273.151.008đ, lãi quá hạn 67.797.163đ. Riêng bà **L** còn nợ thêm một khoản thẻ tín dụng là 137.539.329đ (Trong đó, gốc: 48.462.565đ, Lãi: 89.076.764đ).

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng giữa bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T1** và **Ngân hàng TMCP P**; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX đủ cơ sở xác định: Tính đến ngày 31/7/2024, ông **T1**, bà **L** còn nợ **Ngân**

hàng TMCP P tổng số tiền 1.679.531.501đ, trong đó nợ gốc là 1.338.583.330đ, lãi trong hạn 273.151.008đ, lãi quá hạn 67.797.163đ. Bà L nợ khoản vay bằng thẻ tín dụng là 137.539.329đ (gốc: 48.462.565đ, lãi: 89.076.764đ).

Tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự quy định: “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn T1 chết, các tài sản mà ông Nguyễn Văn T1 đang thế chấp tại Ngân hàng được xác định là di sản mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 được hưởng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu những người thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn T1 gồm: vợ là bà Ngô Thị L; 02 người con là anh Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 1.679.531.501đ, trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn T1 để lại đang thế chấp tại Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bà Ngô Thị L còn phải thanh toán khoản nợ vay của thẻ tín dụng là 137.539.329đ, (khoản vay này không có tài sản đảm bảo).

Trường hợp bà Ngô Thị L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T1 là bà Ngô Thị L, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T3 không thực hiện được việc trả số tiền nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Nếu sau khi phát mãi tài sản vẫn không đủ trả nợ thì bà L còn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 01/8/2024, bị đơn, những người thừa kế của ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4.2] Về tài sản bảo đảm:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 166, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, diện tích 208m²; địa chỉ thửa đất: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 070332, số vào sổ cấp GCN: H03379 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 05/7/2018 cho bà Ngô Thị L, ông Nguyễn Văn T1, hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Xét việc ký kết hợp thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Hợp đồng tín dụng, các bên đều tự nguyện, không ai bị ép buộc; hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan có thẩm quyền, hình thức và nội dung của hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, cơ quan và những người có thẩm quyền đã xác định, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, không phát sinh tranh chấp với người khác. Do đó, trong trường hợp bà Ngô Thị L, anh Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm

2015 nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 117, Điều 463, 465, 466; 470 và Điều 615; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP P.**

Buộc bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** là bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 31/7/2024 là: 1.679.531.501đ, (trong đó nợ gốc là 1.338.583.330đ, lãi trong hạn là 273.151.008đ, lãi quá hạn là 67.797.163đ), theo Hợp đồng tín dụng số 085/2021/HĐTD-CN, ngày 09/03/2021; Hợp đồng tín dụng số 141/2022/HĐTD-CN, ngày 31/3/2022 và Hợp đồng tín dụng số 183/2022/HĐTD-CN, ngày 21/4/2022.

Buộc bà **Ngô Thị L** phải trả cho nguyên đơn dư nợ phát sinh tính đến ngày 31/7/2024 đối với khoản vay của thẻ tín dụng ngày 13/9/2021, tổng số tiền là 137.539.329đ (trong đó: nợ gốc: 48.462.565đ, nợ lãi: 89.076.764đ).

Trường hợp bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** là anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** không thực hiện được việc trả số tiền nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Bà **Ngô Thị L** và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** là anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi tài sản thừa kế do ông **Nguyễn Văn T1** để lại. Riêng bà **L**, nếu sau khi phát mãi tài sản vẫn không đủ trả nợ thì bà **L** còn phải tiếp tục thanh toán nốt các khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2024) bị đơn còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về tài sản bảo đảm: Trường hợp bà **Ngô Thị L**, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** gồm: Bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** không thanh toán được các khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, diện tích 208m²; địa chỉ thửa đất: **TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 070332, số vào sổ cấp GCN: H03379 do Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 05/7/2018 cho bà **Ngô Thị L**, ông **Nguyễn Văn T1**.

3. Về án phí: Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông **Nguyễn Văn T1** gồm: Bà **Ngô Thị L**, anh **Nguyễn Văn T2**, anh **Nguyễn Văn T3** phải nộp 62.385.945đ án phí DSST.

Bà **Ngô Thị L** phải nộp thêm 6.876.966đ án phí DSST, đối với khoản vay thẻ tín dụng với số tiền nợ là 137.539.329đ.

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền 30.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/23/0000920, ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Dung

